

Doanh thu bán lẻ hàng hoá*Triệu đồng*

	Thực hiện tháng 10 năm 2020	Ước tính tháng 11 năm 2020	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11 năm 2020	Tháng 11 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11 năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	3.724.943	3.814.079	36.154.451	108,45	101,09
Lương thực, thực phẩm	1.987.193	2.039.064	19.102.033	121,79	109,75
Hàng may mặc	215.976	217.389	2.100.756	103,96	94,86
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	483.426	497.687	4.700.667	106,54	100,20
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	39.645	40.680	396.170	84,78	89,72
Gỗ và vật liệu xây dựng	310.921	311.689	2.942.153	94,09	90,08
Ô tô các loại	11.632	11.979	136.380	49,96	60,92
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	102.975	106.044	1.150.678	57,79	63,67
Xăng, dầu các loại	207.550	213.444	2.058.117	101,26	99,68
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	85.663	88.079	874.806	102,14	100,02
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	95.224	97.919	921.517	98,55	96,52
Hàng hóa khác	117.876	122.909	1.152.723	97,61	94,37
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	66.862	67.196	618.451	117,33	103,42